

BẤT BÌNH ĐẲNG TỪ TÁC ĐỘNG TOÀN CẦU HÓA – TRƯỜNG HỢP CÁC NƯỚC ASEAN (1990 - 2025)

NGUYỄN THỊ BẢO HÀ*

Toàn cầu hóa đã tác động sâu sắc đến các nước và khu vực trên thế giới. Trong ASEAN, tiến trình này chi phối và khuếch đại bất bình đẳng phát triển thể hiện qua bốn biểu hiện chính: (1) sự đa dạng thể chế và giới hạn cấu trúc ASEAN; (2) chênh lệch kinh tế - xã hội giữa và trong các quốc gia; (3) bất bình đẳng sắc tộc, xung đột gắn với phụ thuộc bên ngoài; và (4) di cư như hệ quả của chênh lệch phát triển. Dựa trên khung lý thuyết phát triển không đồng đều (Smith, 1984; Harvey, 2006) và lý thuyết phụ thuộc (Cardoso và Faletto, 1979), nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích định tính với dữ liệu từ UNDP, ASEAN Secretariat, World Bank, IOM. Kết quả nghiên cứu cho thấy, toàn cầu hóa đã tái sản xuất bất bình đẳng lịch sử, sắc tộc, giới và không gian ở các nước ASEAN. Để khắc phục, các nước này cần tăng cường hợp tác nội khối như thành lập quỹ phát triển chung, đào tạo quản trị và bảo hộ lao động di cư, nhằm thu hẹp khoảng cách và thúc đẩy phát triển bao trùm.

Từ khóa: Đông Nam Á, toàn cầu hóa, bất bình đẳng phát triển, di cư xuyên quốc gia, phụ nữ di cư, ASEAN

Nhận bài ngày: 11/8/2025; *đưa vào biên tập:* 13/8/2025; *phản biện:* 17/9/2025; *duyet đăng:* 05/11/2025

1. DẪN NHẬP

Trong hơn ba thập niên qua (1990-2025), toàn cầu hóa đã chi phối sâu sắc các chiều kích kinh tế, xã hội, và chính trị của Đông Nam Á, không chỉ qua mở rộng giao thương mà còn qua tái cấu trúc mô hình phát triển, quan hệ nội vùng và luồng di chuyển xuyên biên giới. Tuy nhiên, Đông Nam Á tiếp nhận

toàn cầu hóa theo cách thức đa dạng, phản ánh sự khác biệt về lịch sử, thể chế chính trị và năng lực quản trị. Giai đoạn 1990-2025 được lựa chọn làm phạm vi nghiên cứu vì đây là thời kỳ ASEAN mở rộng hội nhập với các quốc gia Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam, với Việt Nam gia nhập năm 1995, Lào và Myanmar năm 1997, và Campuchia năm 1999. Đây cũng là giai đoạn chứng kiến những làn sóng toàn cầu hóa mạnh mẽ sau Chiến tranh lạnh, bao gồm khủng hoảng tài chính Châu Á

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

năm 1997 và sự hình thành các thể chế hội nhập kinh tế khu vực như AFTA và AEC (ASEAN Secretariat, 2021b: 10-15). Hệ quả là sự phát triển giữa các quốc gia ASEAN cũng như trong nội bộ từng quốc gia diễn ra không đồng đều, thể hiện qua các chỉ số phát triển con người, khả năng thu hút đầu tư và mức độ tham gia chuỗi giá trị toàn cầu (UNDP, 2020: 210-220). Sự mở rộng hội nhập đi kèm với gia tăng bất bình đẳng nội vùng, đặc biệt theo các chiều sắc tộc, giới tính (đặc biệt là phụ nữ) và khoảng cách thành thị - nông thôn, trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng. Một chỉ báo phản ánh xu hướng này là hệ số Gini của nhiều quốc gia ASEAN đã dao động trong khoảng 35.0 - 38.0 vào đầu thập niên 1990 và tiến gần tới 0.40 vào giữa những năm 2010, với dữ liệu mới nhất (2023-2024) cho thấy duy trì quanh mức 35.0 - 40.0 (ví dụ: Malaysia 40.7, Indonesia 38.3, Thái Lan 35.0), và các dự báo cho giai đoạn 2020-2025 dự kiến tương tự mà không có thay đổi đáng kể (World Bank, 2024c; ADB, 2024; World Population Review, 2025). Đồng thời, chênh lệch GDP bình quân đầu người giữa quốc gia có thu nhập cao nhất và thấp nhất trong khối cũng gia tăng đáng kể – từ khoảng 20 lần vào năm 1990 (Singapore ~12,296 USD so với Myanmar ~609 USD) lên khoảng 78 lần vào năm 2025 (Singapore ~91,728 USD so với Myanmar khoảng 1,100 - 1,200 USD), tính theo GDP danh nghĩa (Statista, 2024; World Bank, 2024b; IMF, 2024).

Do đó, việc nhìn nhận toàn cầu hóa không chỉ như một quá trình lan tỏa phát triển mà còn như một tác nhân

khúc xạ bất bình đẳng trở nên cấp thiết. Cách tiếp cận này cho phép xem Đông Nam Á như một không gian nơi các mâu thuẫn lịch sử, thể chế và xã hội được phơi bày và tái cấu trúc. Sử dụng nguồn dữ liệu thứ cấp từ các tổ chức UNDP, ASEAN Secretariat, World Bank, IOM; tham khảo khung lý thuyết phát triển không đồng đều (Smith, 1984; Harvey, 2006) và lý thuyết phụ thuộc (Cardoso và Faletto, 1979), nghiên cứu này phân tích cơ chế và hệ quả của sự phát triển không đồng đều trong tiến trình toàn cầu hóa, góp phần vào thảo luận học thuật về tính bất đối xứng của toàn cầu hóa ở các xã hội đang phát triển.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Khái quát về toàn cầu hóa

Toàn cầu hóa là quá trình tích hợp kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội trên phạm vi toàn cầu, bắt nguồn từ thế kỷ 15 với sự mở rộng thuộc địa Châu Âu, nhưng phát triển mạnh mẽ từ cuối thế kỷ 20 sau Chiến tranh lạnh (Rodrik, 2011). Các giai đoạn chính bao gồm: (1) 1870-1914 – giai đoạn toàn cầu hóa đầu tiên gắn với thương mại tự do (O'Rourke & Williamson, 2000); (2) 1914-1945 – suy thoái do chiến tranh thế giới và xu hướng bảo hộ (Baldwin & Martin, 1999); (3) 1945-1980 – tái thiết sau Chiến tranh thế giới thứ hai với sự hình thành GATT và IMF (Irwin, 1998); và (4) từ 1980 đến nay – toàn cầu hóa hiện đại với tự do hóa thương mại, công nghệ số và chuỗi cung ứng toàn cầu (Freund & Bolaky, 2008). Trong Đông Nam Á giai đoạn 1990-2025, toàn cầu hóa thể hiện qua quá trình hội nhập kinh tế sâu rộng, với

việc thành lập AFTA năm 1992 và AEC năm 2015 (Nesadurai, 2021), cùng sự gia tăng mạnh mẽ của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, từ khoảng 5 tỷ USD năm 1990 lên hơn 130 tỷ USD vào cuối những năm 2010 (ASEAN Secretariat, 2021a). Quá trình này cũng đi kèm với những cú sốc kinh tế như khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997 và sự gia tăng bất bình đẳng do phụ thuộc vào thị trường toàn cầu (Stiglitz, 2002). Một đặc điểm nổi bật là sự kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế nhanh – với GDP danh nghĩa của ASEAN tăng khoảng 6 - 7 lần từ năm 1990 đến 2022 (World Bank, 2022) – và sự chênh lệch phát triển ngày càng lớn, trong đó các quốc gia ASEAN-6 hưởng lợi nhiều hơn so với nhóm Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam (Menon & Melendez, 2015).

2.2. Lý thuyết và khung nghiên cứu

2.2.1. Lý thuyết phát triển không đồng đều và lý thuyết phụ thuộc

Lý thuyết phát triển không đồng đều (uneven development) của Neil Smith (1984) và David Harvey (2006) nhấn mạnh rằng toàn cầu hóa tạo ra sự phân hóa không gian do tích tụ tư bản, dẫn đến mô hình trung tâm-ngoại vi nơi các khu vực phát triển hưởng lợi trong khi ngoại vi bị khai thác. Lý thuyết phụ thuộc (dependency theory) của Cardoso và Faletto (1979) giải thích sự phụ thuộc kinh tế của các nước ngoại vi vào trung tâm toàn cầu, dẫn đến “phát triển phụ thuộc” (dependent development) với tăng trưởng nhưng bất bình đẳng cao. Các lý thuyết này đã được áp dụng trong nghiên cứu toàn cầu hóa ở ASEAN, ví dụ như phân tích

sự phụ thuộc vào FDI từ Trung Quốc và Mỹ gây ra bất bình đẳng khu vực, hoặc mô hình tâm-biên ở đô thị - nông thôn.

2.2.2. Khung nghiên cứu

Khung nghiên cứu của tác giả kết hợp lý thuyết phát triển không đồng đều và phụ thuộc để phân tích bốn biểu hiện chính: (1) Đa dạng thể chế ASEAN như rào cản cấu trúc (tâm-biên nội khối); (2) Chênh lệch kinh tế - xã hội giữa ASEAN-6 và Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam, và nội bộ (phụ thuộc kinh tế); (3) Bất bình đẳng sắc tộc và xung đột do phụ thuộc bên ngoài (khai thác ngoại vi); (4) Di cư như hệ quả (di chuyển từ ngoại vi đến trung tâm). Khung này sử dụng dữ liệu thứ cấp để so sánh qua các giai đoạn, phản ánh tính đa tầng của bất bình đẳng.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích định tính, kết hợp dữ liệu thứ cấp từ UNDP, ASEAN Secretariat, World Bank, và các nghiên cứu về di cư và giới, tiếp cận toàn cầu hóa từ góc nhìn phê phán (critical globalization studies). Khung lý thuyết dựa trên lý thuyết phát triển không đồng đều (Smith, 1984: 80-120; Harvey, 2006: 100-120), nhấn mạnh cách toàn cầu hóa tạo ra bất bình đẳng không gian và mô hình tâm-biên, và lý thuyết phụ thuộc (Cardoso & Faletto, 1979: 30-60), làm rõ sự phụ thuộc kinh tế của các quốc gia ngoại vi vào trung tâm toàn cầu. Sự tương tác giữa các cấu trúc lịch sử, chính trị, và xã hội bản địa với toàn cầu hóa được phân tích thông qua bốn biểu hiện chính, phản ánh tính đa tầng của bất bình đẳng trong khu vực.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Sự đa dạng thể chế và giới hạn cấu trúc của ASEAN

Một trong những đặc điểm nổi bật của khu vực Đông Nam Á là sự đa dạng sâu sắc về thể chế chính trị – từ chế độ quân chủ tuyệt đối (Brunei), chính quyền quân sự (Myanmar), bán dân chủ (Thái Lan, Campuchia), đến dân chủ nghị viện (Indonesia, Malaysia, Philippines). Theo chỉ số Freedom in the World 2023 của Freedom House, mức độ tự do chính trị - dân sự của các quốc gia ASEAN dao động rất mạnh: Indonesia đạt 59/100 điểm, Singapore 47/100, trong khi Myanmar chỉ còn 9/100 sau cuộc đảo chính năm 2021 (Freedom House, 2023: 300-310). Sự phân hóa này không chỉ tạo nên các mô hình phát triển khác nhau, mà còn đặt ra thách thức lớn cho việc xây dựng một khối khu vực có khả năng phối hợp chính sách và hành động thống nhất (Acharya, 2014: 30-60).

Cơ chế vận hành của ASEAN dựa trên nguyên tắc “đồng thuận, không can thiệp và tự nguyện” – được gọi là phương thức ASEAN (ASEAN Way). Dù tạo điều kiện duy trì quan hệ thân thiện giữa các thành viên, phương thức này đồng thời làm hạn chế khả năng ra quyết sách tập thể trong các tình huống khẩn cấp hoặc xung đột lợi ích, đặc biệt trong các vấn đề mang tính chính trị - xã hội như di cư và bất bình đẳng phát triển (Jones, 2012: 225-228). Điển hình là “Đồng thuận 5 điểm” về Myanmar được thông qua năm 2021 nhưng không có cơ chế thực thi, dẫn đến triển khai rất hạn chế và hầu như không cải thiện được tình hình trên thực tế

(ASEAN Secretariat, 2021c: 1-2; The Diplomat, 2022). Việc không có cơ chế ràng buộc pháp lý và thiếu một bộ máy thực thi hiệu quả khiến ASEAN khó đóng vai trò điều phối thực chất trong các vấn đề khu vực như xung đột Biển Đông, khủng hoảng Myanmar hay bất bình đẳng phát triển nội khối.

Trong lĩnh vực kinh tế, thị trường chung ASEAN vẫn mang tính “cộng” hơn là “hội nhập”. Theo ASEAN Key Figures 2023, thương mại nội khối chỉ chiếm khoảng 22,4% tổng kim ngạch thương mại, thấp hơn nhiều so với mức trên 60% của EU (ASEAN Secretariat, 2023: 34-38). Các chính sách bảo hộ, sự khác biệt trong tiêu chuẩn lao động – môi trường – thuế quan tiếp tục cản trở thương mại và luồng dịch chuyển lao động tự do trong nội vùng (Nesadurai, 2012: 373-378). Bên cạnh đó, các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRAs) về lao động kỹ năng – vốn được kỳ vọng tạo thuận lợi cho dịch chuyển – vẫn chỉ được áp dụng hạn chế trên thực tế, do khác biệt pháp lý và tiêu chuẩn nghề nghiệp giữa các nước (ILO và ADB, 2020: 22-26).

Một thực tế ngày càng hiện rõ là các nước dẫn đầu trong khối (Singapore, Malaysia, Thái Lan) có xu hướng tách khỏi các tiến trình nội khối để tăng cường liên kết song phương hoặc đa phương với các đối tác bên ngoài như Trung Quốc, Nhật Bản, EU, Hoa Kỳ. Việc Singapore và Việt Nam tham gia CPTPP hay nhiều thành viên ASEAN tham gia IPEF minh họa rõ xu hướng “ly tâm mềm” này, đồng thời làm suy yếu vai trò trung tâm của ASEAN trong các cấu trúc hợp tác khu vực rộng hơn

như Cộng đồng Đông Á (Yeoh & Willis, 2005: 148-155; Beeson, 2019: 185-190). Cụ thể, CPTPP với các tiêu chuẩn cao về thương mại tự do, bảo hộ lao động và môi trường đã mang lại lợi ích kinh tế lớn cho Singapore (một trung tâm tài chính toàn cầu) và Việt Nam (với tăng trưởng xuất khẩu lên 20% sau khi tham gia), nhưng lại tạo rào cản cho các nước như Lào và Campuchia, vốn thiếu năng lực thể chế để đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt, dẫn đến khoảng cách hội nhập ngày càng lớn và làm suy giảm sự gắn kết nội khối ASEAN. Tương tự, IPEF – một sáng kiến của Mỹ nhằm chống lại ảnh hưởng của Trung Quốc – ưu tiên các nước có hạ tầng số mạnh như Thái Lan và Indonesia, nhưng bỏ qua các thách thức của Myanmar, nơi xung đột nội bộ làm gián đoạn đầu tư, từ đó củng cố cấu trúc hai tầng trong khu vực.

Hơn nữa, ASEAN hiện không có một “quốc gia trục” (core state) đủ năng lực, uy tín và vị thế để dẫn dắt quá trình hội nhập khu vực như vai trò của Đức và Pháp tại EU (Rodan, 2004: 169-170; Narine, 2002: 124-130). Sự thiếu vắng một trung tâm quyền lực chính trị và kinh tế chung khiến khối gặp khó khăn trong việc thiết lập lòng tin chiến lược và xây dựng tầm nhìn khu vực dài hạn. Có thể thấy, chính sự đa dạng thể chế (dù là tài sản về mặt văn hóa và bản sắc) đang trở thành rào cản cấu trúc cho khả năng liên kết sâu rộng hơn, đồng thời tạo nên tình trạng phát triển không đồng đều trong khu vực.

3.2. Chênh lệch phát triển kinh tế - xã hội và năng lực tiếp cận toàn cầu hóa

Sự không đồng đều trong trình độ phát triển giữa các quốc gia Đông Nam Á là một đặc điểm xuyên suốt quá trình hội nhập khu vực. Khoảng cách phát triển không chỉ thể hiện giữa nhóm ASEAN-6 (Singapore, Malaysia, Thái Lan, Indonesia, Philippines và Brunei) và Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam, mà còn tồn tại ngay trong nội bộ từng quốc gia dưới nhiều hình thức khác nhau. Theo World Bank (2023), GDP bình quân đầu người của Singapore đạt khoảng 84.700 USD, cao gấp hơn 35 lần so với Campuchia (2.430 USD), phản ánh rõ mức độ phân tầng giữa hai nhóm quốc gia (World Bank, 2023). Chênh lệch này tăng từ khoảng 20 lần năm 1990 lên hơn 30 lần năm 2025 (World Bank, 2024).

Một chỉ báo điển hình phản ánh sự chênh lệch này là Chỉ số Phát triển Con người (HDI). Theo báo cáo của UNDP (2020), trong số mười nước ASEAN, Singapore và Brunei nằm trong nhóm phát triển rất cao, nhờ vào GDP bình quân đầu người, tuổi thọ trung bình và khả năng tiếp cận giáo dục - y tế vượt trội. Malaysia và Thái Lan được xếp vào nhóm phát triển cao, trong khi Việt Nam, Indonesia và Philippines thuộc nhóm trung bình cao. Nhóm Campuchia, Lào, Myanmar duy trì vị trí cuối bảng, phản ánh tình trạng phát triển thấp trên nhiều phương diện. Thực trạng này dẫn tới sự hình thành một cấu trúc hai tầng (two-tier structure) trong ASEAN – với sự phân hóa rõ rệt về năng lực tiếp cận thị trường, thu hút đầu tư và hội nhập vào chuỗi giá trị toàn cầu (UNDP, 2020: 210-220; ASEAN Secretariat, 2019: 22-28). Trong đó,

ASEAN-6 (các nước sáng lập và Brunei) hình thành tầng trên với năng lực thể chế mạnh, hội nhập sâu, trong khi Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam (các nước gia nhập muộn) ở tầng dưới với hạ tầng yếu và phụ thuộc cao hơn (Menon & Melendez, 2015; ADB, 2023).

Không chỉ tồn tại giữa các quốc gia, sự phát triển không đồng đều còn biểu hiện sâu sắc trong nội bộ từng nước, đặc biệt thông qua khoảng cách giàu - nghèo giữa khu vực thành thị và nông thôn. Theo Báo cáo Bất bình đẳng Toàn cầu (World Inequality Lab, 2022), ở Indonesia và Philippines tỷ lệ thu nhập của 10% người giàu nhất chiếm hơn 45% tổng thu nhập quốc gia; trong khi thu nhập của nhóm 50% người nghèo nhất chỉ chiếm chưa tới 15% (Alvaredo et al., 2022). Tại Philippines, khảo sát của Social Weather Stations (2024) cho thấy, có tới 67% người dân ở vùng Mindanao (một khu vực nghèo, xung đột kéo dài với phiến quân và dân tộc thiểu số) tự đánh giá bản thân là nghèo, trong khi tỷ lệ này ở khu vực Metro Manila (thủ đô đô thị hóa cao) chỉ ở mức 52% (Social Weather Stations, 2024: 2-4). Những chênh lệch này không chỉ đơn thuần là sự khác biệt về thu nhập, mà còn liên quan đến mức độ tiếp cận giáo dục, hạ tầng y tế, cơ hội việc làm và các dịch vụ xã hội cơ bản. Tỷ lệ nghèo đô thị ở ASEAN giảm từ 25% năm 1990 xuống 10% năm 2025, nhưng nghèo nông thôn vẫn cao gấp đôi, ở mức 20-30%, với chênh lệch tiếp cận dịch vụ (giáo dục, y tế) giảm từ 15% năm 1990 lên 25% năm 2025 (ASEAN Secretariat & World Bank, 2023; UNDP, 2022).

Bên cạnh đó, năng lực tiếp cận toàn cầu hóa giữa các nhóm dân cư và các vùng lãnh thổ trong cùng một quốc gia cũng cho thấy sự phân tầng rõ rệt. Các đô thị lớn như Bangkok, Jakarta hay Thành phố Hồ Chí Minh đóng vai trò là “trung tâm toàn cầu hóa”, nơi tập trung cơ sở hạ tầng hiện đại, đầu mối xuất nhập khẩu và dòng vốn quốc tế. Ngược lại, các khu vực miền núi, nông thôn và cộng đồng dân tộc thiểu số gặp nhiều khó khăn hơn khi tham gia vào toàn cầu hóa do rào cản địa lý, ngôn ngữ, văn hóa và hạn chế về nguồn lực phát triển. Ví dụ, theo GSMA (2024: 20-25) và We Are Social (2024: 30-35), tỷ lệ tiếp cận internet ở khu vực đô thị ASEAN cao gần gấp đôi so với khu vực nông thôn (khoảng 85% so với dưới 50%), dẫn đến sự chênh lệch rõ rệt về cơ hội việc làm và thu nhập. Theo ADB (2022: 52-55), tỷ lệ nghèo đa chiều (MPI) tại các vùng sâu vùng xa của Lào và Myanmar cao gần gấp đôi so với mức trung bình quốc gia, phản ánh sự phân tầng phát triển theo không gian. Mặc dù chỉ số này có xu hướng cải thiện sau năm 2015, chênh lệch giữa trung tâm và ngoại vi vẫn duy trì đáng kể. Hơn nữa, sự bùng nổ của kinh tế số trong khu vực – với các nền tảng như Grab và Shopee chiếm lĩnh thị trường – đã làm sâu sắc thêm sự bất bình đẳng này. Trong khi các nền tảng số tạo ra hàng loạt công việc linh hoạt tại đô thị, lao động nông thôn thường bị loại trừ khỏi nền kinh tế “gig” (gig economy) do thiếu kỹ năng số và kết nối internet, dẫn đến các “chi phí ẩn của sự linh hoạt” (hidden costs of flexibility) như thu nhập bấp bênh và thiếu bảo hiểm xã hội

(Nirwasita, 2025). Các sáng kiến như GrabforGood nhằm nâng cao kỹ năng số ở nông thôn vẫn chưa đủ để thu hẹp khoảng cách, khi hơn 70% dân số Đông Nam Á chưa tiếp cận được với dịch vụ ngân hàng số (Ragnedda và Muschert, 2009: 395-400; Lee và Lingad, 2021).

Một hệ quả đáng lưu ý là sự phát triển không đồng đều này làm suy giảm khả năng phát triển bền vững nội tại của các quốc gia ASEAN, đồng thời khoét sâu hơn bất bình đẳng xã hội. Các nhóm yếu thế, đặc biệt là phụ nữ, dân tộc thiểu số và người nghèo, không những ít hưởng lợi từ toàn cầu hóa mà còn dễ bị tổn thương trước các chính sách phát triển thiếu công bằng. Báo cáo của UN Women (2024: 25-30) và ADB (2022: 52–55) chỉ ra rằng phụ nữ ở khu vực nông thôn Đông Nam Á có nguy cơ rơi vào nghèo đói cao hơn nam giới từ khoảng 20% đến 50%, phản ánh sự chênh lệch giới trong phân bổ lợi ích phát triển. Ngoài ra, theo World Bank (2024f) và World Economic Forum (2024), tỷ lệ tham gia lực lượng lao động nữ tại khu vực ASEAN đã có xu hướng giảm nhẹ trong ba thập niên qua, từ khoảng hơn 50% đầu những năm 1990 xuống dưới 50% vào giữa thập niên 2020, cho thấy những rào cản về giới vẫn còn sâu sắc trong quá trình toàn cầu hóa. Như nhận định của Yeoh và Willis (2005), toàn cầu hóa tại Đông Nam Á không diễn ra trong một không gian trung tính (neutral space), mà phản ánh và tái tạo các quan hệ quyền lực có sẵn trong xã hội (Yeoh và Willis, 2005: 211-222).

3.3. Bất bình đẳng, xung đột sắc tộc và sự phụ thuộc bên ngoài

Sự phát triển không đồng đều ở Đông Nam Á bắt nguồn từ chênh lệch kinh tế giữa các quốc gia và những bất bình đẳng hệ thống về sắc tộc, giới tính, khu vực đô thị - nông thôn, và quyền lực thể chế. Toàn cầu hóa, thay vì xóa bỏ, lại làm trầm trọng thêm các vấn đề này do sự phân bổ không đều các nguồn lực toàn cầu. Chẳng hạn, Bello (2005: 200-210) phân tích rằng trong thập niên 1990, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Philippines và Thái Lan chủ yếu tập trung ở các trung tâm đô thị như Manila và Bangkok. Sự tập trung này thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở các thành phố lớn nhưng đồng thời mở rộng khoảng cách phát triển và thu nhập giữa khu vực đô thị và nông thôn.

Không phải tất cả các quốc gia Đông Nam Á đều tiếp cận tiến trình toàn cầu hóa với cùng mức độ chủ động, năng lực thể chế và lợi ích thu được. Một số nước như Singapore, Malaysia hay Thái Lan đã chủ động hội nhập và phát triển thành các trung tâm khu vực, trong khi các quốc gia như Lào, Campuchia, Myanmar gặp nhiều rào cản nội tại – từ thể chế chính trị đóng kín, năng lực nhà nước yếu, đến hạ tầng cơ sở hạn chế. Theo World Bank (2022), tỷ lệ nghèo đa chiều ở các vùng dân tộc thiểu số tại Lào và Myanmar cao gấp đôi mức trung bình quốc gia, phản ánh tình trạng “ngoại vi nội quốc” rõ rệt (World Bank, 2022: 28-30). Hệ quả là quá trình toàn cầu hóa trong khu vực diễn ra theo mô hình tâm-biên (center-periphery), nơi các trung tâm đô thị, ven biển hoặc thành phố toàn cầu

tiếp cận tốt hơn với dòng vốn, công nghệ và thị trường, trong khi các vùng sâu vùng xa, miền núi hoặc biên giới gặp nhiều hạn chế trong tiến trình phát triển (Wallerstein, 1974: 350-360).

Khái niệm tâm-biên, được phát triển trong lý thuyết hệ thống thế giới của Immanuel Wallerstein (1974), cho rằng các trung tâm quyền lực kinh tế toàn cầu không chỉ kiểm soát dòng chảy thương mại và đầu tư, mà còn định hình các vùng ngoại vi lệ thuộc – những nơi tiếp nhận đầu vào phát triển mà không kiểm soát được tiến trình đó (Wallerstein, 1974: 350-360). Ở cấp độ nội vùng, cấu trúc tâm-biên không chỉ tồn tại giữa các quốc gia, mà còn thể hiện rõ trong nội bộ từng nước Đông Nam Á. Các thành phố như Singapore, Bangkok hay TPHCM đóng vai trò là trung tâm khu vực (regional cores) – nơi tích tụ vốn quốc tế, cơ sở hạ tầng hiện đại và tầng lớp trung lưu toàn cầu hóa. Trong khi đó, các khu vực miền núi, vùng sâu vùng xa và cộng đồng dân tộc thiểu số – như tại Bắc Lào, Đông Bắc Myanmar... – lại trở thành các ngoại vi do khó tiếp cận luồng lợi ích phát triển từ thiếu điều kiện kết nối, rào cản ngôn ngữ - văn hóa và đôi khi là thiếu quan tâm từ chính sách công. Hơn nữa, sự phát triển của công nghệ số càng làm sâu sắc thêm khoảng cách này, khi các cộng đồng thiểu số ở vùng sâu vùng xa thiếu truy cập internet và kỹ năng số, khiến họ bị gạt ra ngoài lề nền kinh tế số toàn cầu hóa, như các nền tảng thương mại điện tử hoặc dịch vụ “gig” (UNDP, 2024: 130-135). Như David Harvey (2006: 70-90) phân tích, tích tụ tư bản luôn đi kèm với sự phát

triển địa lý không đồng đều (uneven geographical development), nơi các trung tâm ngày càng giàu lên trong khi các vùng ngoại vi bị khai thác hoặc bỏ rơi.

Một biểu hiện điển hình là bất bình đẳng sắc tộc và phân tầng xã hội ở các quốc gia như Lào, Myanmar, Philippines và Indonesia. Theo Minority Rights Group International (2020), nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số ở Myanmar (ví dụ Karen, Kachin) và ở Philippines (Mindanao) chịu mức nghèo đói cao gấp 1,5 - 2 lần so với mức trung bình quốc gia (Minority Rights Group International, 2020: 22-25). Các nhóm dân tộc này thường bị đặt ngoài cấu trúc quyền lực trung tâm, hạn chế tiếp cận giáo dục, y tế, đất đai và tiếng nói chính trị. Điển hình là ở Myanmar, các dự án hạ tầng trong Hành lang Kinh tế Trung Quốc-Myanmar (CMEC) – như đập thủy điện Myitsone và đường sắt cao tốc – đã làm trầm trọng thêm xung đột dân tộc. Việc di dời cộng đồng Kachin và Karen để nhường chỗ cho các dự án này đã gây ra tranh chấp đất đai, ô nhiễm môi trường và bạo lực địa phương, đồng thời củng cố sự phụ thuộc kinh tế của Myanmar vào Bắc Kinh (International Crisis Group, 2020: 10-15; Kyi Sin, 2024). Những dự án này, dù mang lại lợi ích kinh tế ngắn hạn cho trung ương, thường bị chỉ trích vì thiếu tham vấn cộng đồng và làm gia tăng bất bình đẳng sắc tộc, củng cố mô hình tâm-biên (Rigg, 2016: 50-60).

Nhiều chính sách phát triển mang tính đồng hóa cưỡng bức hoặc tái định cư cũng góp phần làm sâu sắc thêm bất bình đẳng. Ví dụ, ở Bắc Lào, các dự án thủy điện do Trung Quốc tài trợ, như

đập Nam Ou, đã buộc hàng nghìn người dân tộc thiểu số như Khmu và Hmong phải tái định cư, dẫn đến mất đất canh tác, đứt gãy mạng lưới xã hội bản địa và gia tăng nghèo đói. Những cộng đồng này không chỉ bị loại trừ khỏi thị trường lao động toàn cầu mà còn mất đi bản sắc văn hóa do các chính sách thiếu nhạy cảm văn hóa (Oxfam, 2020: 20-30; Rigg, 2016: 50-60).

Song song đó, sự phát triển không đồng đều còn dẫn đến phụ thuộc bên ngoài ngày càng lớn. Các nước ASEAN hiện chủ yếu dựa vào đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), công nghệ và thị trường từ các cường quốc như Trung Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ và EU – không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà cả trong hoạch định chính sách xã hội, môi trường và an ninh. Theo ASEAN Secretariat (2022), hơn 65% tổng FDI vào ASEAN giai đoạn 2015-2021 đến từ các đối tác ngoài khu vực, trong khi đầu tư nội khối chỉ chiếm chưa tới 20% (ASEAN Secretariat, 2022: 40-50). Trong khi đó, liên kết nội khối ASEAN vẫn còn lỏng lẻo, thiếu cơ chế hỗ trợ hiệu quả và thường bị chi phối bởi lợi ích quốc gia đơn lẻ (Narine, 2002). Điều này khiến ASEAN không đủ năng lực điều tiết tiến trình toàn cầu hóa theo hướng công bằng và cân bằng lợi ích cho toàn khối.

Sự kết hợp giữa bất bình đẳng lịch sử, sự khác biệt về thể chế và phát triển phụ thuộc đã tạo nên một không gian khu vực ASEAN dễ bị tổn thương trước các cú sốc toàn cầu – như khủng hoảng tài chính Châu Á 1997-1998, đại dịch COVID-19 hay biến động địa chính trị gần đây. Các nghiên cứu cho thấy

đại dịch COVID-19 đã khiến tỷ lệ nghèo đói ở Lào, Campuchia và Myanmar tăng trở lại sau hơn một thập niên giảm liên tục, đồng thời khoét sâu khoảng cách giữa nhóm dân cư đô thị toàn cầu hóa và các cộng đồng nông thôn - dân tộc thiểu số (ADB, 2022; UNDP, 2023-2024: 50-60). Thay vì thúc đẩy hội nhập, các cú sốc này lại làm sâu sắc thêm khoảng cách phát triển giữa nhóm nước giàu và nghèo trong ASEAN, cũng như giữa các nhóm dân cư được ưu tiên tiếp cận nguồn lực và các cộng đồng bị hạn chế.

3.4. Di cư như hệ quả của phát triển không đồng đều

Sự phát triển không đồng đều trong không gian khu vực Đông Nam Á đã và đang thúc đẩy các làn sóng di cư đa chiều, cả trong phạm vi quốc gia lẫn xuyên biên giới. Dưới tác động của toàn cầu hóa, di cư trở thành chiến lược sinh tồn, cơ chế điều tiết lao động và kênh truyền tải vốn – nhưng đồng thời cũng phản ánh sự thất bại của chính sách phát triển toàn diện và công bằng (Castles, de Haas, và Miller, 2014: 120-140).

Tại cấp nội địa, mô hình phát triển lấy đô thị làm trung tâm trong thời kỳ hậu thuộc địa đã làm gia tăng khoảng cách giữa các khu vực đô thị hóa mạnh – như Bangkok, Manila, Jakarta, TPHCM và các vùng nông thôn, miền núi, biên giới. Theo ADB (2022), tỷ lệ nghèo ở các khu vực nông thôn Myanmar, Lào và Campuchia vẫn cao gấp đôi mức trung bình quốc gia, phản ánh sự loại trừ của “ngoại vi nội quốc” trong tiếp cận giáo dục, y tế và hạ tầng cơ bản (ADB, 2022: 52-55). Các đô thị lớn

được đầu tư mạnh mẽ về cơ sở hạ tầng, dịch vụ công và mạng lưới kinh tế toàn cầu, trong khi vùng nông thôn và miền núi thường thiếu cơ hội tham gia thị trường lao động chính thức. Hệ quả là di cư nông thôn - thành thị gia tăng: riêng ở Việt Nam, tỷ lệ di cư nội địa chiếm hơn 13,6% dân số trong độ tuổi lao động (GSO và UNFPA, 2016: 19), góp phần vào hiện tượng “già hóa nông thôn” và bất ổn nhân khẩu học tại một số địa phương (Rigg et al., 2016: 124).

Trong khi đó, ở cấp xuyên quốc gia, sự phân tầng phát triển trong ASEAN và giữa ASEAN với các nước như Hàn Quốc, Nhật Bản và vùng lãnh thổ Đài Loan đã tạo điều kiện cho các luồng di cư lao động và hôn nhân quốc tế gia tăng mạnh mẽ. Lao động di cư, đặc biệt là lao động nữ, thường đối mặt với các điều kiện làm việc khắc nghiệt, thiếu bảo hộ pháp lý, phân biệt đối xử về lương và cơ hội tiếp cận quyền lợi xã hội. Theo ILO và IOM (2020), hơn 60% lao động di cư Đông Nam Á làm việc trong khu vực phi chính thức, chủ yếu trong dịch vụ gia đình và xây dựng, khiến họ dễ bị bóc lột, thu hồi hộ chiếu hoặc bị hạn chế chuyển đổi chủ lao động (ILO & IOM, 2020: 25-28). Hơn nữa, sự phát triển của công nghệ số và nền kinh tế nền tảng đã làm phức tạp thêm vấn đề này: các ứng dụng như Grab và Shopee tạo ra việc làm linh hoạt cho lao động di cư ở đô thị, nhưng cũng dẫn đến bất bình đẳng kỹ thuật số nơi lao động nữ thiếu kỹ năng số phải đối mặt với thu nhập không ổn định và rủi ro cao hơn trong môi trường “gig” (gig economy) không được bảo vệ (Nirwasita, 2025).

Đáng chú ý, di cư kết hôn xuyên quốc gia (đặc biệt từ Việt Nam, Campuchia và Philippines đến Hàn Quốc và Vùng lãnh thổ Đài Loan) đã nổi lên như một hình thức di cư nữ giới phổ biến kể từ những năm 1990 và vẫn tiếp tục kéo dài đến năm 2025, dù có xu hướng giảm nhẹ do các thay đổi trong chính sách nhập cư và hôn nhân. Ước tính kể từ sau năm 2008, thời điểm Hàn Quốc sửa đổi luật nhập cư kết hôn, đã có hơn 110.000 phụ nữ Việt Nam kết hôn và di cư sang Hàn Quốc (tính đến năm 2022), với số trường hợp mới những năm gần đây duy trì ở mức khoảng 5.000 mỗi năm (IOM, 2023: 12-18; Lee et al., 2016: 270-275; Chang et al., 2025: 5-8, Bùi Thị Mỹ Hằng, 2023: 155-173). Dưới tác động của chênh lệch phát triển và nhu cầu kinh tế, nhiều phụ nữ trẻ ở vùng nông thôn đã lựa chọn kết hôn với nam giới nước ngoài thông qua dịch vụ môi giới – nhằm tìm kiếm cơ hội sinh kế cho bản thân và gia đình (Piper, 2003: 457-469; Bélanger và Trần Giang Linh, 2011: 59-77). Tuy nhiên, do thiếu chuẩn bị về ngôn ngữ, pháp lý và văn hóa, họ dễ rơi vào các mối quan hệ hôn nhân không bình đẳng. Các nghiên cứu chỉ ra rằng nhiều phụ nữ Việt Nam lấy chồng nước ngoài phải đối mặt với bạo lực gia đình, kiểm soát kinh tế hoặc hạn chế giao tiếp xã hội; và thường bị buộc hồi hương cùng con cái sau ly hôn. Ví dụ, một phụ nữ Việt Nam di cư hôn nhân đến Hàn Quốc chia sẻ rằng cô kỳ vọng về một cuộc sống tốt hơn nhưng bị lừa dối về điều kiện sống ngay từ đầu, dẫn đến bạo lực gia đình và kinh tế bấp bênh, phản ánh sự bóc lột trong hệ thống môi

giới hôn nhân, như cung cấp thông tin sai lệch và thiếu hỗ trợ pháp lý (Yeung và Chan, 2018: 367-375; Tran Thi Minh Thi, 2022: 27-38; CNN, 2020; SpringerLink, 2023: 5-10; Disruptive Asia, 2022: 5-10; Journalist's Resource, 2020: 3-5; The Diplomat, 2015: 10-15).

Việc quay trở về quê hương của những người phụ nữ này không đồng nghĩa với chấm dứt hành trình di cư, mà mở ra một chu kỳ mới của bất ổn và tái tổn thương. Các nghiên cứu tại Đồng bằng sông Cửu Long cho thấy, phụ nữ hồi hương và con lai thường phải đối mặt với định kiến xã hội, thiếu hỗ trợ tái hòa nhập và khó tiếp cận giáo dục - y tế cho con cái do các rào cản về hộ tịch và pháp lý (Nguyễn và Yeoh, 2021: 1191-1205). Toàn cầu hóa đã thúc đẩy các luồng di cư, nhưng đồng thời tạo ra những thách thức về pháp lý và xã hội cho người di cư, đặc biệt là phụ nữ. Những người này thường rơi vào tình trạng khó khăn, không được bảo vệ đầy đủ bởi luật pháp hoặc xã hội ở cả nước xuất xứ và nước đến, do sự khác biệt về quốc tịch, giới tính, và quyền lợi công dân.

Từ góc nhìn cấu trúc, di cư – dù là lao động hay hôn nhân – chính là kết quả trực tiếp của sự phát triển không đồng đều và chính sách phát triển bị lệch trọng tâm. Các quốc gia Đông Nam Á đã cố gắng xây dựng các chương trình quản lý di cư, tái định cư và bảo hộ lao động, nhưng phần lớn vẫn chưa giải quyết được nguyên nhân gốc rễ, đặc biệt là bất bình đẳng giới, phân tầng thể chế và thiếu cơ hội phát triển tại địa phương. Nếu không tái cấu trúc mô hình phát triển theo hướng bao trùm và

công bằng, di cư sẽ tiếp tục là biểu hiện của sự thoát ly bắt buộc – thay vì là lựa chọn chủ động trong tiến trình toàn cầu hóa (Castles và Miller, 2009: 100-110).

4. KẾT LUẬN

Quá trình toàn cầu hóa của các nước ASEAN không phải là một tiến trình trung tính, mà luôn gắn chặt với các điều kiện lịch sử, thể chế và bất bình đẳng vốn có trong khu vực. Sự phát triển không đồng đều, do đó, vừa phản ánh sự phân tầng toàn cầu giữa trung tâm và ngoại vi, vừa cho thấy giới hạn nội tại của các quốc gia trong việc xây dựng một mô hình phát triển bao trùm và bền vững. Cụ thể, khoảng cách giữa các nước ASEAN không chỉ về GDP mà còn về năng lực thể chế, khiến một số quốc gia dễ bị lệ thuộc vào đầu tư bên ngoài mà thiếu kiểm soát, trong khi các quốc gia khác hưởng lợi nhiều hơn từ hội nhập toàn cầu.

Hệ quả của các chênh lệch đó không chỉ thể hiện qua chỉ số kinh tế hay năng lực thể chế, mà còn bộc lộ rõ trong đời sống xã hội: xung đột sắc tộc, phân tầng xã hội và những làn sóng di cư ngày càng gia tăng. Di cư, cả trong nước lẫn xuyên quốc gia, đã trở thành một chiến lược sinh kế tất yếu nhưng đồng thời cũng bộc lộ những giới hạn của chính sách phát triển chưa bao trùm. Đặc biệt, phụ nữ và các cộng đồng yếu thế phải đối mặt với nhiều rủi ro – từ điều kiện lao động bấp bênh, hôn nhân xuyên quốc gia thiếu bình đẳng, cho đến khó khăn khi hồi hương và tái hòa nhập.

Để khắc phục tình trạng phát triển không đồng đều, ASEAN cần tập trung vào ba định hướng chính với các chính

sách cụ thể (dựa trên các khuyến nghị từ ASEAN và UNDP): (1) Tái phân bổ nguồn lực thông qua việc thành lập Quỹ Phát triển Khu vực ASEAN (ASEAN Development Fund) với đóng góp từ ASEAN-6, nhằm đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên ở Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam để thu hẹp khoảng cách kinh tế và nâng cao năng lực hội nhập toàn cầu hóa, liên kết với Sáng kiến Liên kết ASEAN (IAI) đã tồn tại từ 2000 để hỗ trợ Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam; (2) Tăng cường hợp tác đào tạo quản trị công và nâng cao năng lực thể chế, tập trung vào các lĩnh vực hỗ trợ hội nhập kinh tế, để giảm phân tầng thể chế (institutional stratification – sự chênh lệch về năng lực thể chế giữa các nước, như khả năng thực thi chính sách và phối hợp khu vực) giữa các quốc gia; và (3) Trao

quyền cho các cộng đồng dễ bị tổn thương thông qua hiệp định nội khối về bảo hộ lao động di cư, đặc biệt chú trọng phụ nữ, với cơ chế giám sát xuyên quốc gia và quỹ hỗ trợ tái hòa nhập cho phụ nữ hồi hương từ di cư hôn nhân, góp phần giảm bất bình đẳng giới và sắc tộc, đồng thời thúc đẩy di cư an toàn. Các giải pháp này, dựa trên lý thuyết phát triển không đồng đều (Smith, 1984; Harvey, 2006), không chỉ giải quyết nguyên nhân gốc rễ của bất bình đẳng mà còn tăng cường khả năng chống chịu của ASEAN trước các cú sốc toàn cầu ngày càng gia tăng, từ khủng hoảng khí hậu đến biến động địa chính trị. Chỉ bằng cách đẩy mạnh hợp tác nội khối một cách khẩn cấp và đồng bộ, ASEAN mới có thể xây dựng một mô hình phát triển bao trùm và bền vững. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Acharya, A. 2014. *Constructing a Security Community in Southeast Asia: ASEAN and the Problem of Regional Order* (3th edition). London: Routledge.
2. ADB. 2022. “Key Indicators for Asia and the Pacific 2022”. Manila. <https://www.adb.org/publications/key-indicators-asia-and-pacific-2022>, Accessed 12/8/2025.
3. ADB. 2023. “Asian Economic Integration Report 2023”. Manila. <https://www.adb.org/sites/default/files/publication/859946/asian-economic-integration-report-2023.pdf>, Accessed 12/8/2025.
4. ADB. 2024. “Asian Development Outlook September 2024”. <https://www.adb.org/sites/default/files/publication/995536/asian-development-outlook-september-2024.pdf>, Accessed 12/8/2025.
5. Alvaredo, F., Chancel, L., Piketty, T., Saez, E., Zucman, G.,... 2022. *World Inequality Report 2022*. World Inequality Lab, Paris.
6. ASEAN Secretariat. 2019. “ASEAN Integration Report 2019. ASEAN Secretariat, Jakarta”. <https://asean.org/wp-content/uploads/2021/03/8.-ASEAN-integration-report-2019.pdf>, Accessed 12/8/2025.
7. ASEAN Secretariat. 2021a. “ASEAN Investment Report 2020-2021: Investing in Industry 4.0. ASEAN Secretariat & United Nations Conference on Trade and Development (UNCTAD)”. <https://asean.org/wp-content/uploads/2021/09/AIR-2020-2021.pdf>, Accessed 12/8/2025.

8. ASEAN Secretariat. 2021b. "ASEAN Key Figures 2021. ASEAN Secretariat, Jakarta". <https://www.aseanstats.org/wp-content/uploads/2021/12/ASEAN-KEY-FIGURES-2021-FINAL-1.pdf>, Accessed 12/8/2025.
9. ASEAN Secretariat. 2022. "ASEAN Investment Report 2021-2022: Pandemic Recovery and Investment Opportunities". ASEAN Secretariat, Jakarta. <https://asean.org/wp-content/uploads/2022/10/AIR2022-Web-Online-Final-211022.pdf>, Accessed 8/8/2025.
10. ASEAN Secretariat. 2023. "ASEAN Statistical Yearbook 2023. ASEAN Secretariat". <https://asean.org/wp-content/uploads/2023/12/ASEAN-Statistical-Yearbook-2023.pdf>, Accessed 9/8/2025.
11. ASEAN. 2021c. "Initiative for ASEAN Integration (IAI) Work Plan IV (2021-2025)". <https://asean.org/wp-content/uploads/2021/08/Initiative-for-ASEAN-Integration-IA-Work-Plan-IV-2021-2025.pdf>, Accessed 9/8/2025.
12. Baldwin, R.E., & Martin, P. 1999. *Two Waves of Globalisation: Superficial Similarities, Fundamental Differences* (NBER Working Paper No. 6904). National Bureau of Economic Research. https://www.nber.org/system/files/working_papers/w6904/w6904.pdf, Accessed 11/8/2025.
13. Beeson, M. 2019. *Asia's Competing Multilateral Initiatives: The Political Economy of Regional Order*. Cambridge.
14. Bélanger, D., & Tran Giang Linh. 2011. "The Impact of Transnational Marriage on Vietnamese Women: A Case Study of Marriage Migration to South Korea". *Asian and Pacific Migration Journal*, 20(1).
15. Bello, W. 2005. *The Anti-Development State in Asia*. London: Zed Books.
16. Cardoso, F.H., & Faletto, E. 1979. *Dependency and Development in Latin America* (translator by Marjory Mattingly Urquidí, 1969/1972). University of California, Berkeley.
17. Castles, S., & Miller, M.J. 2009. *The Age of Migration: International Population Movements in the Modern World* (4th edition). New York: Guilford Press.
18. Castles, S., de Haas, H., & Miller, M.J. 2014. *The Age of Migration: International Population Movements in the Modern World* (5th edition). New York: Guilford Press.
19. Chang, H.-C., & Choi, S. Y. P. 2025. "Marriage Channels, Temporal Inequality, and Migration Decision-Making Agency: Vietnamese Marriage Migrants in Asia". *International Migration Review*. <https://journals.sagepub.com/doi/10.1177/01979183251314845>.
20. CNN. 2020. "Why Foreign wives in South Korea are Vulnerable to Domestic Violence". <https://www.cnn.com/2020/08/02/asia/foreign-wives-south-korea-intl-hnk-dst/index.html>, Accessed 12/10/2025.
21. David Harvey. 2006. *Spaces of Global Capitalism: Towards a Theory of Uneven Geographical Development*. London: Verso Books.
22. Disruptive Asia. 2022. "Trafficked victims to cultural pioneers: Migrant wives in South Korea. Asia Society". <https://disruptiveasia.asiasociety.org/trafficked-victims-to-cultural-pioneers-migrant-wives-in-south-korea>, Accessed 12/10/2025.
23. Freedom House. 2023. *Freedom in the World 2023: Marking 50 Years in the Struggle for Democracy*. Freedom House, Washington, DC.
24. Freund, C., & Bolaky, B. 2008. "Trade, Regulations, and Income". *Journal of Development Economics*, 87(2), 309–321.
25. GSMA. 2024. "The State of Mobile Internet Connectivity Report 2024". GSMA. <https://www.gsma.com/r/wp-content/uploads/2024/10/The-State-of-Mobile-Internet-Connectivity-Report-2024.pdf>, Accessed 11/8/2025.
26. GSO - UNFPA. 2016. *The 2015 National Internal Migration Survey: Major Findings*.

27. ILO - ADB. 2020. *ASEAN Mutual Recognition Arrangements: A Guide to Enhance Skilled Labour Mobility*. ADB, Manila.
28. ILO - IOM. 2020. *World Migration Report 2020*. IOM, Geneva.
29. IMF. 2024. "World Economic Outlook Database (October 2024)". International Monetary Fund. <https://www.imf.org/en/Publications/WEO/weo-database/2024/October>, Accessed 12/8/2025.
30. International Crisis Group. 2020. *Commerce and Conflict: Navigating Myanmar's China Relationship*. Brussels.
31. IOM. 2023. "Migration Data and Marriage Migrants in the Republic of Korea". <https://publications.iom.int/system/files/pdf/pub2023-064-l-migration-data-and-marriage-migrants-in-the-republic-of-korea.pdf>, Accessed 11/8/2025.
32. Irwin, D.A. 1998. "The GATT in historical perspective". *American Economic Review*, 88(2), 323-328. <https://www.aeaweb.org/articles/pdf/doi/10.1257/aer.88.2.323>, Accessed 11/8/2025.
33. Jones, G.W. 2012. "Population and Development in Southeast Asia". chrome-extension://kdpelmjpfajppnhblofcjpeomlnpah/<https://umcms.um.edu.my/sites/population-studies-unit/img/Recommended%20Reading/Recommended/The%20population%20of%20SE%20Asia%20by%20Gavin%20Jones.pdf>, Accessed 11/8/2025.
34. Journalist's Resource. 2020. "Domestic Violence, Exploitation in Marriage and the Foreign-Bride Industry". <https://journalistsresource.org/economics/domestic-violence-exploitation-in-marriage-and-the-foreign-bride-industry/>, Accessed 12/8/2025.
35. Kyi Sin. 2024. "Securing the China-Myanmar Economic Corridor: Navigating Conflicts and Public Scepticism". *Fulcrum*.
36. Lee, H., Williams, L., & Arguillas, F. 2016. "Adapting to Marriage Markets: International Marriage Migration from Vietnam to South Korea". *Journal of Comparative Family Studies*, 47(2), 267-288.
37. Lee, K., & Lingad, D. 2021. "Digital Growth and Financial Inclusion in Southeast Asia". New Perspectives on Asia (Blog CSIS).
38. Menon, J., & Melendez, A.C. 2015. "Realizing the ASEAN Economic Community: Progress and remaining challenges". *Asian Development Bank Institute*. <https://www.adb.org/sites/default/files/publication/332956/adbi-wp529.pdf>, Accessed 11/8/2025.
39. Minority Rights Group International. 2020. *Peoples under Threat 2020*. Minority Rights Group International, London.
40. Narine, S. 2002. *Explaining ASEAN: Regionalism in Southeast Asia*. Lynne Rienner, Boulder.
41. Nesadurai, H.E.S. 2012. "Trade Policy in Southeast Asia: Politics, Domestic Interests and the Forging of New Accommodations in the Regional and Global Economy". in R. Robison (ed.).
42. Nesadurai, H.E.S. 2021. "ASEAN's Economic Integration Strategies in the Context of Economic Globalisation". In *Repenser les Frontières Économiques*. <https://www.teseopress.com/repenserlesfrontiereseconomiques/chapter/given-these-challenges-maintaining-and-strengthening/>, Accessed 11/8/2025.
43. Nguyễn, L.A., & Yeoh, B.S.A. 2021. "Transnational Return Migration and Reintegration in Vietnam: The Case of Marriage Migrants in the Mekong Delta". *Population, Space and Place*, 27(5).
44. Nirwasita, A. K. 2025. The Hidden Costs of Flexibility: Digital Inequality and the Gig Worker Reality in Southeast Asia. <https://moderndiplomacy.eu/2025/06/11/the-hidden-costs-of-flexibility-digital-inequality-and-the-gig-worker-reality-in-southeast-asia/>, Accessed 11/8/2025.

45. O'Rourke, K.H., & Williamson, J.G. 2000. "When did Globalization Begin?" (NBER Working Paper No. 7632). *National Bureau of Economic Research*. https://www.nber.org/system/files/working_papers/w7632/w7632.pdf, Accessed 11/8/2025.
46. Oxfam. 2020. Mekong Regional Water Governance Program: Inclusion Project Phase 2 (2020-2024). Oxfam. <chrome-extension://kdpelmjpfafjppnhbloffcjpeomlnpah/https://www.aramis.admin.ch/Default?DocumentID=72921&Load=true>, Accessed 9/8/2025.
47. Piper, N. 2003. "Wife or Worker? Worker or Wife? Marriage and Cross-Border Migration in Contemporary Japan". *International Journal of Population Geography*, 9(6).
48. Ragnedda, M., & Muschert, G.W. 2009. "Theorizing Digital Divides", 19(4). *Asian Media Magazine*.
49. Rigg, J. 2016. "More than the Soil: Rural Change in Southeast Asia". London: Routledge.
50. Rigg, J., Salamanca, A., & Parnwell, M. 2016. "The Global Land Grab and Its Implications for Ageing and Demographic Decline in the Global South". *The Journal of Rural Studies*, 43.
51. Rodan, G. 2004. *Transparency and Authoritarian Rule in Southeast Asia: Singapore and Malaysia*. London: Routledge.
52. Rodrik, D. 2011. *The Globalization Paradox: Democracy and the Future of the World Economy*. W.W. Norton & Company. https://archive.org/details/globalizationpar00rodr_0, Accessed 11/8/2025.
53. Smith, N. 1984. *Uneven Development: Nature, Capital, and the Production of Space*. Blackwell. Oxford.
54. Social Weather Stations (SWS). 2024. *Self-Rated Poverty Survey, Third Quarter 2024*. Social Weather Stations, Quezon City.
55. Statista. 2024. "GDP per Capita in Singapore 1989-2029". Statista. <https://www.statista.com/statistics/378654/gross-domestic-product-gdp-per-capita-in-singapore/>, Accessed 9/8/2025.
56. Stiglitz, J. E. 2002. *Globalization and its discontents*. W.W. Norton & Company.
57. Suyeon Park. 2018. "Domestic Violence among Vietnamese Wives in South Korea: A Comparison of Women with and without In-Law Abuse". *Journal of Sociology and Social Work*, 6(1). DOI:10.15640/jssw.v6n1a4
58. The Diplomat. 2015. "South Korea's Foreign Bride Problem". <https://thediplomat.com/2015/01/south-koreas-foreign-bride-problem/>, Accessed 14/8/2025.
59. The Diplomat. 2022. "ASEAN and Myanmar: Crisis and Opportunity". <https://thediplomat.com/2022/05/asean-and-myanmar-crisis-and-opportunity/>, Accessed 14/8/2025.
60. Tran Thi Minh Thi. 2019. "Transnational Marriage between Vietnamese Women and Foreign Men: Current Trend and Raising Social Issues (Case Study of Thuy Nguyen District, Hai Phong City)". *Social Sciences Information Review*, 13(1). <https://vjol.info.vn/index.php/ssirev/article/download/52526/43280/>, Accessed 11/8/2025.
61. UN Women. 2024. ASEAN Gender Outlook. https://data.unwomen.org/sites/default/files/documents/Publications/2024/ASEAN-gender-outlook_2024.pdf, Accessed 10/8/2025.
62. UNDP. 2020. *Human Development Report 2020: The Next Frontier – Human Development and the Anthropocene*. New York.
63. UNDP. 2022. "Policy Brief on Reducing Inequality in ASEAN. UNDP Regional Bureau for Asia and the Pacific". <https://asean.org/wp-content/uploads/2022/08/FINAL-Policy-Brief-on-Reducing-Inequality.pdf>, Accessed 10/8/2025.

64. UNDP. 2024. *Human Development Report 2023/24: Uncertain Times, Unsettled Lives*. New York.
65. UNESCAP. 2024. "Internet usage in Asia-Pacific". <https://www.instagram.com/p/C2OtW3osHJ6/>, Accessed ngày 2/8/2025.
66. Wallerstein, I. 1974. *The Modern World-System I: Capitalist Agriculture and the Origins of the European World-Economy in the Sixteenth Century*. New York: Academic Press.
67. We Are Social & Meltwater. 2024. "Digital 2024: Global Overview Report. We Are Social". <https://datareportal.com/reports/digital-2024-global-overview-report>, Accessed 17/8/2025.
68. World Bank. 2022. *East Asia and Pacific Economic Update April 2022: Braving the Storm*. Washington, DC.
69. World Bank. 2023. "World Development Indicators 2023". <https://databank.worldbank.org/source/world-development-indicators>, Accessed 2/8/2025.
70. World Bank. 2024a. "GDP per capita (current US\$) - Myanmar". <https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.PCAP.CD?locations=MM>, Accessed 2/8/2025.
71. World Bank. 2024b. "GDP per capita (current US\$) - Singapore". <https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.PCAP.CD?locations=SG>, Accessed 2/8/2025.
72. World Bank. 2024c. "Gini index - East Asia & Pacific". <https://data.worldbank.org/indicator/SI.POV.GINI?locations=Z4>, Accessed 2/8/2025.
73. World Bank. 2024d. "Gini index - World Bank Data". <https://data.worldbank.org/indicator/SI.POV.GINI>.
74. World Bank. 2024e. "Myanmar Poverty and Inequality Platform". <https://pip.worldbank.org/country-profiles/MMR>, Accessed 2/8/2025.
75. World Bank. 2024f. "Poverty and Shared Prosperity 2024: Gender Dimensions of Poverty". <https://www.worldbank.org/en/publication/poverty-and-shared-prosperity>, Accessed 2/8/2025.
76. World Economic Forum. 2024. "Gender Gaps in the Workforce". <https://www.weforum.org/publications/global-gender-gap-report-2024/in-full/gender-gaps-in-the-workforce/>, Accessed 2/8/2025.
77. World Inequality Lab. 2022. "World Inequality Report 2022". World Inequality Lab, Paris. <https://wir2022.wid.world/>, Accessed 14/8/2025.
78. World Population Review. 2025. "Gini Coefficient by Country 2025". <https://worldpopulationreview.com/country-rankings/gini-coefficient-by-country>, Accessed 2/8/2025.
79. Yeoh, B. S. A., & Willis, K. 2005a. "Singaporeans in China: Transnational Women Elites and the Negotiation of Gendered Identities". *Geoforum*, 36(2).
80. Yeoh, E. K.-K., & Willis, K. 2005b. "Singapore and the Global Political Economy: Balancing ASEAN Regionalism and Global Integration". In G. Rodan, K. Hewison, & R. Robison. *The Political Economy of Southeast Asia: An Introduction*. Oxford: Oxford University Press.